

Số: /BC-UBND

Mường Tè, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện dự toán thu - chi NSDP năm 2021;  
kế hoạch phân bổ dự toán thu - chi năm 2022**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng chính phủ về xây dựng phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số: 1762/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2020 của HĐND huyện khóa XX, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách địa phương năm 2021;*

UBND huyện Mường Tè báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU,  
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 được triển khai thực hiện trong bối cảnh do tác động của tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thời tiết diễn biến bất thường, mưa đá, gió lốc, kéo dài. Dịch bệnh tả lợn Châu phi tái phát ở một số xã trên địa bàn. Một số quy định mới được ban hành như: Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban Dân tộc; Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 thay thế quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc, đã tác động rất lớn đến chế độ chính sách: Cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ cho giáo viên và học sinh,... Trong khi đó các nhiệm vụ làm tăng chi ngân sách như: Chính sách phòng, chống dịch bệnh Covid-19; phòng chống dịch Tả lợn Châu phi, Bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò; phòng chống thiên tai và một số các chính sách mới ban hành.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện tới xã trong việc thực hiện nghiêm túc,

hiệu quả các giải pháp đề ra, tập trung kiểm soát tình hình dịch bệnh, tạo cơ sở để khôi phục các hoạt động kinh tế.

## **I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

Tổng số thu ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 30/11/2021: **691.113 triệu đồng**, ước thực hiện thu đến 31/12/2021: 704.264 triệu đồng, tăng 31,8% so với dự toán tỉnh và dự toán HĐND huyện giao (*Có biểu chi tiết số 01 kèm theo*), cụ thể:

### **1. Thu NSNN trên địa bàn**

- Thu NSNN trên địa bàn thực hiện đến ngày 30/11/2021: 43.192 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương hưởng là 510 triệu đồng; Ngân sách tỉnh hưởng là 922 triệu đồng; Ngân sách huyện hưởng là 41.760 triệu đồng, nếu loại trừ số thu sử dụng đất thì thu cân đối là 40.787 triệu đồng*); ước thực hiện thu đến 31/12/2021: 59.773 triệu đồng, tăng 11,7% so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND huyện giao.

#### **\* Kết quả thực hiện theo từng sắc thuế như sau**

- Thu nội địa: Thực hiện đến 30/11/2021: 43.192 triệu đồng, đạt 80,7% so với dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 59.773 triệu đồng, tăng 11,7% so với dự toán tỉnh và dự toán huyện giao. Thu cân đối ngân sách (*loại trừ khoản thu sử dụng đất*): 45.111 triệu đồng, tăng 9,6% so với dự toán HĐND huyện giao, cụ thể như sau:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp do nhà nước giữ vai trò chủ đạo thực hiện: 92 triệu đồng, ước thực hiện cả năm: 92 triệu đồng.

+ Thu từ khu công thương nghiệp ngoài quốc doanh thực hiện: 32.755 triệu đồng, đạt 93,6% so với dự toán huyện giao. Ước thực hiện cả năm: 35.695 triệu đồng, đạt tăng 2% so với dự toán huyện giao. Nguồn thu này chủ yếu thu từ đầu tư xây dựng cơ bản vãng lai, nguồn thù không ổn định nên ảnh hưởng đến thu NSNN trên địa bàn. Các doanh nghiệp trên địa bàn doanh thu về hoạt động sản xuất kinh doanh thấp nên số thu không đáng kể.

+ Lệ phí trước bạ thực hiện: 3.442 triệu đồng, tăng 56,5% so với dự toán HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 3.524 triệu đồng, tăng 60,2% so với dự toán HĐND huyện giao; Phát sinh chủ yếu từ hoạt động mua sắm, chuyển nhượng phương tiện của người dân.

+ Thu phí và lệ phí thực hiện: 1.362 triệu đồng, đạt 85,1% so với dự toán HĐND huyện giao; ước thực hiện: 1.600 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao.

+ Thu tiền sử dụng đất thực hiện: 1.341 triệu đồng, đạt 13,4% so với dự toán HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 14.000 triệu đồng, tăng 40% so với dự toán HĐND huyện giao.

+ Thuế thu nhập cá nhân thực hiện: 992 triệu đồng, đạt 66,1% so với dự toán HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 1.500 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao.

+ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước thực hiện: 412 triệu đồng, đạt 58,9% so với dự toán HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm đạt 71,4% dự toán giao. Nguồn thu này chủ yếu từ thuê đất, thuê mặt nước và đấu giá trên địa bàn huyện.

+ Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản, công sản khác thực hiện: 50 triệu đồng.

+ Thu khác ngân sách thực hiện: 2.746 triệu đồng, tăng 9,9% so với dự toán HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 2.812 triệu đồng, tăng 12,5% so với dự toán HĐND huyện giao.

## **2. Thu chuyển giao ngân sách**

- Thu chuyển giao ngân sách (*Bao gồm cả thu chuyển giao của ngân sách cấp xã 75.567 triệu đồng*) thực hiện đến 30/11/2021: 580.895 triệu đồng, tăng 19,5% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 580.895 triệu đồng, tăng 19,5% so với dự toán tỉnh và HĐND huyện giao.

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: Thực hiện đến 30/11/2021: 515.479 triệu đồng, tăng 17,1% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 515.479 triệu đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: Thực hiện đến 30/11/2021: 65.416 triệu đồng, tăng 42,6% dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao; ước thực hiện cả năm: 65.416 triệu đồng.

## **3. Thu chuyển nguồn ngân sách: 68.458 triệu đồng, bao gồm:**

+ *Ngân sách huyện:* 62.693 triệu đồng.

+ *Ngân sách xã:* 5.765 triệu đồng.

## **4. Thu kết dư ngân sách huyện: 0 triệu đồng.**

# **II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

## **1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách**

- UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn về thực hiện nhiệm vụ tài chính năm 2021 và hướng dẫn nhiệm vụ chi thường xuyên. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, thực hiện không bổ sung kinh phí chi thường xuyên ngoài dự toán (*trừ các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép và các trường hợp cấp bách khác*); chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện dự toán năm 2021 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Luật; sử dụng nguồn kinh phí được giao đúng mục đích, có hiệu quả và tiết kiệm chống lãng phí nhất là các khoản chi thường xuyên như chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị...

- Chỉ đạo cơ quan tham mưu tăng cường kiểm soát các nguồn chi; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị dự toán đề kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh ở cơ sở.

- Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, dịch tả lợn Châu Phi, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới thu ngân sách, cân đối ngân sách khó khăn trong quá trình điều hành. UBND huyện đã tăng cường công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương; chủ động sử dụng dự phòng ngân sách và các nguồn ngân sách địa phương để phòng, chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ và các nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ở các lĩnh vực chi ngân sách**

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến 30/11/2021: **481.349 triệu đồng**, đạt 91,2% so với dự toán giao đầu năm 2021; ước thực hiện cả năm: 704.264 triệu đồng (*Chi từ nguồn thu chuyển nguồn là 68.458 triệu đồng*), tăng 31,8% so với dự toán giao đầu năm 2021 (*Nếu loại trừ nội dung chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 thì tổng chi ngân sách địa phương là 635.806 triệu đồng, tăng 19% so với dự toán giao đầu năm 2021*), cụ thể như sau:

### **2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương**

Thực hiện đến 30/11/2021: 391.094 triệu đồng, đạt 73,2% so với dự toán giao đầu năm 2021; ước thực hiện cả năm: 552.761 triệu đồng, tăng 3,4% so với dự toán giao đầu năm.

#### **a) Chi đầu tư phát triển**

Dự toán giao: 33.715 triệu đồng, thực hiện đến 30/11/2021: 28.538 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm: 36.462 triệu đồng, tăng 8,1% so với dự toán huyện giao, trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: Dự toán giao: 26.065 triệu đồng, thực hiện đến 30/11/2021: 24.540 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm: 26.065 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán huyện giao.

- Chi từ thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao: 7.000 triệu đồng, thực hiện đến 30/11/2021: 1.251 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm: 7.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán huyện giao.

- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Dự toán giao: 650 triệu đồng, thực hiện đến 30/11/2021: 0 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm: 650 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán huyện giao.

#### **b) Chi thường xuyên**

Dự toán giao 495.071 triệu đồng, thực hiện đến 30/11/2021: 361.457 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm: 510.740 triệu đồng, tăng 2,7% so với dự toán huyện giao đầu năm 2021. Dự toán chi đã đáp ứng được nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh về phòng chống dịch

bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo xã hội, quốc phòng an ninh và trật tự xã hội.

Về tình hình bố trí nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện: Tổng nguồn ngân sách huyện bố trí cho công tác phòng, chống dịch bệnh: 1.774 triệu đồng (*Trong đó: chi phòng, chống dịch Covid-19 là 963 triệu đồng; Phòng chống bệnh viêm da nổi cục là 126 triệu đồng; phòng chống dịch tả Lợn Châu phi là 685 triệu đồng*).

Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn đã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp đề ra; quản lý và điều hành chi NSNN chặt chẽ, đúng chính sách, chế độ, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ của các đơn vị sử dụng ngân sách, gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, triệt để, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, cụ thể:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: Dự toán giao: 52.818 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 34.725 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 53.526 triệu đồng, tăng 1,3% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021;

(2) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Dự toán giao: 311.487 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 222.374 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 311.803 triệu đồng, tăng 0,1% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021.

(3) Sự nghiệp văn hóa: Dự toán giao: 1.656 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 1.084 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 1.618 triệu đồng, đạt 97,7% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021.

(4) Sự nghiệp thể thao: Dự toán giao: 572 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 380 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 572 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021.

(5) Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình: Dự toán giao: 1.876 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 1.121 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 1.876 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021.

(6) Chi đảm bảo xã hội: Dự toán giao: 7.852 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 7.285 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 11.423 triệu đồng, tăng 45,5% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021 (*tăng do chế độ chính sách bảo trợ xã hội thay đổi thực hiện theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP*).

(7) Chi quản lý hành chính: Dự toán giao: 38.501 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 28.750 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 40.001 triệu đồng, tăng 3,9% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021 (*do trong năm tăng chế độ, chính sách tiền lương*).

(8) Chi an ninh, quốc phòng: Dự toán giao: 5.105 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 5.000 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 5.105 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021.

(9) Chi ngân sách xã: Dự toán giao: 64.080 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 57.186 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 66.674 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021 (*do trong năm tăng chế độ, chính sách tiền lương*).

(10) Chi khác: Dự toán giao: 11.124 triệu đồng; thực hiện đến 30/11/2021: 3.552 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 18.142 triệu đồng, tăng 63,1% so với dự toán huyện giao đầu năm 2021 (*tăng do đầu năm chưa được cấp kinh phí khắc phục hậu quả bão lũ*).

c) Chi dự phòng ngân sách

- Dự toán giao 5.559 triệu đồng. Kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị dự toán để thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Dịch tả lợn Châu phi, Viêm da nổi cục, sửa chữa công trình do bão lũ gây ra trên địa bàn huyện: 2.476 triệu đồng. Số kinh phí các đơn vị dự toán đã thực hiện giải ngân đến 30/11/2021: 1.099 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm: 5.559 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm 2021.

**2.2. Chi bổ sung có mục tiêu**

Thực hiện đến 30/11/2021: 14.688 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 19.848 triệu đồng, bao gồm:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: Năm 2021 chưa được giao nguồn, Chuyển nguồn năm trước sang: 11.585 triệu đồng; thực hiện đến ngày 30/11/2021: 8.113 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 11.585 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

- Chi bổ sung các chương trình, nhiệm vụ: Thực hiện đến ngày 30/11/2021: 6.575 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 8.263 triệu đồng, đạt 48,8% dự toán (*do kinh phí thực hiện chính sách phát triển rừng bền vững theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh (hỗ trợ trồng cây quế) và kinh phí thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng năm 2021 (Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên) tỉnh giao vốn muộn nên đơn vị không kịp triển khai thực hiện*).

**2.3. Chi chuyển giao ngân sách:** Thực hiện đến 30/11/2021: 75.567 triệu đồng; ước thực hiện cả năm: 101.741 triệu đồng.

**2.4. Chi chuyển nguồn:** Ước thực hiện: 29.914 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 02 kèm theo)

**III. Đánh giá chung về thu, chi năm 2021**

**1. Kết quả đạt được**

- Công tác quản lý điều hành ngân sách nhà nước năm 2021, UBND huyện đã chủ động, sớm ban hành Quyết định giao nhiệm vụ thu ngân sách cho các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị cùng với nhiều giải pháp phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND huyện giao; trong quá trình triển khai thực hiện, UBND huyện luôn bám sát nhiệm vụ thu, chỉ đạo Chi

cục thuế huyện chủ động trong công tác quản lý thu thuế đối với các Công ty doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh trên địa bàn huyện; chủ động triển khai các biện pháp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu trên địa bàn; tuyên truyền nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế đối với người nộp thuế thông qua nhiều hình thức; nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, công tác chống thất thu ngân sách,...; xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, gian lận thuế, chây ì không thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân trong công tác chống, trốn lậu thuế.

- Trong năm 2021 UBND huyện đã đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách theo đúng tinh thần Nghị quyết số: 43/NQ-HĐND ngày 20/12/2020 của HĐND huyện khóa XX, kỳ họp thứ 11 của HĐND huyện; việc phân bổ ngân sách được đảm bảo thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, tập trung phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chăm lo cho công tác an sinh xã hội; kịp thời bổ sung các chế độ, chính sách theo quy định; giải quyết kịp thời các nhu cầu chi đột xuất do bệnh dịch, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và những nhiệm vụ chi khác của địa phương, đảm bảo nhiệm vụ an ninh quốc phòng; đồng thời ưu tiên quan tâm giành vốn cho yêu cầu chi đầu tư phát triển, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

### **2.1. Về thu ngân sách**

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh bị đình trệ. Một số lĩnh vực thu còn xảy ra thất thu thuế đến kết quả thực hiện tổng thu ngân sách nhà nước so với dự toán giao.

- Hoạt động đầu tư đã chuyển biến nhưng chưa hình thành được những nguồn thu lớn, vững chắc. Nguồn thu ngân sách còn hạn chế. Việc rà soát, phát hiện ngành nghề kinh doanh mới phát sinh, cơ sở mới kinh doanh, đối tượng chịu thuế mới đưa vào quản lý thu thuế còn chưa được triệt để.

- Công tác xử lý nợ đọng thuế tuy đã đạt kết quả, song số nợ hằng năm vẫn còn ở mức cao. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế, thu hồi nợ thuế đã được tăng cường nhưng kết quả chưa cao.

- UBND các xã chưa thực sự sâu sát trong chỉ đạo tổ chức thu triệt để khai thác các nguồn thu ở địa phương, công tác chỉ đạo phối hợp trong quản lý thu ở một số lĩnh vực chưa được thường xuyên, kịp thời.

### **2.2. Về chi ngân sách**

- Ngân sách tỉnh giao thực hiện trong thời kỳ ổn định trung hạn chưa phản ánh được đầy đủ các yếu tố thay đổi về chính sách chế độ, nhiệm vụ cũng như yếu tố về giá cả thị trường trong giai đoạn nên khó khăn trong cân đối điều hành ngân sách địa phương.

- Trong quản lý, sử dụng ngân sách cũng như tài sản công ở một số đơn vị, lĩnh vực còn tồn tại, thiếu sót cần khắc phục, gây lãng phí cho ngân sách nhà

nước. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của một số đơn vị còn mang tính hình thức và thực hiện thiếu đồng bộ.

- Một số cơ quan, đơn vị và UBND các xã thị trấn còn chưa chủ động phân bổ, sử dụng dự toán các chế độ, chính sách ngay từ đầu năm; chưa quản lý chặt chẽ nguồn thu cũng như có giải pháp khắc phục đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn, việc chuyển nguồn sang các năm tiếp theo còn lớn.

- Một số bộ phận cán bộ, công chức làm công tác tài chính còn hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng được yêu cầu.

### **3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

#### **3.1. Về thu ngân sách**

- Trên địa bàn huyện quản lý đa số các doanh nghiệp công ty hoạt động nhỏ lẻ, kinh doanh kém hiệu quả, nhiều doanh nghiệp không phát sinh doanh thu, do vậy số nộp ngân sách không đáng kể; các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

- Một số doanh nghiệp ý thức chấp hành pháp luật thuế còn hạn chế, cố tình chiếm dụng thuế; nhiều các nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp còn nợ thuế nhưng đã ngưng hoạt động, bỏ kinh doanh gây khó khăn trong công tác thu hồi nợ.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công ty, hợp tác xã trên địa bàn gặp nhiều khó khăn; một số đơn vị, tổ chức giải thể, ngưng hoạt động hoặc trụ sở doanh nghiệp công ty không đóng chân trên địa bàn huyện... nên công tác thu hồi nợ đọng thuế gặp nhiều vướng mắc và kéo dài qua nhiều năm.

#### **3.2. Về chi ngân sách**

- Huyện Mường Tè với điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn lực cho đầu tư phát triển còn rất nhiều hạn chế. Việc huy động các nguồn vốn bổ sung cho đầu tư còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tuy tăng, nhưng vẫn còn đạt thấp, nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp hằng năm chỉ đáp ứng được khoảng 9% nhu cầu chi địa phương.

- Một số đơn vị chưa chủ động phân bổ, sử dụng dự toán các chế độ, chính sách ngay từ đầu năm, dẫn đến công tác giải ngân thường dồn vào cuối năm mới thanh toán.

- Một số cán bộ kế toán của đơn vị sử dụng ngân sách nhất là cấp xã chưa tự nghiên cứu các văn bản thực hiện quy định theo Luật Ngân sách năm 2015, chưa nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, chưa tham mưu kịp thời cho thủ trưởng đơn vị trong quản lý ngân sách nhà nước.

- Định mức chi thường xuyên giai đoạn 2017-2020 được áp dụng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách, kinh phí phân bổ chỉ phù hợp với hình thực hiện trong những năm đầu thời kỳ càng về cuối thời kỳ càng gặp khó khăn do không được điều chỉnh để bù đắp trượt giá; trong thời kỳ ổn định ngân sách Trung



ương sửa đổi, bổ sung nhiều chế độ chính sách mới liên quan đến chi ngân sách địa phương, quỹ tiền lương tăng qua các năm; Kinh phí nâng bậc lương hàng năm phát sinh lớn đã làm ảnh hưởng đến các khoản chi khác đối với thời kỳ ổn định ngân sách.

- Một số đơn vị dự toán chưa nâng cao ý thức tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách gây lãng phí ở một số khâu, một số khoản chi. Công tác tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị còn chưa được thường xuyên đến từng cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao ý thức tiết kiệm.

## **Phần thứ hai**

### **DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2022**

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, là năm thứ đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, tạo nền tảng thực hiện mục tiêu của kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025. Dự báo kinh tế trong năm 2022 tiếp tục chịu tác động của đại dịch Covid-19 còn có thể kéo dài, Trung phân bổ nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia ngay từ dự toán đầu năm 2022, cắt giảm một số nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu... Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và các dịch bệnh khác, sản xuất khó khăn trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm, giá nguyên liệu, vật tư đầu vào tăng tác động đến kinh tế và ảnh hưởng đến thu, chi ngân sách địa phương.

Là năm thứ hai triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025. Với dự báo tình hình kinh tế trong nước cũng như trong tỉnh, cùng các yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, xác định mục tiêu NSNN năm 2022 là: Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước để phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh Covid-19, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, phát huy sự chủ động của các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn; đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa gắn với sắp xếp lại tổ chức tinh giản biên chế, Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên.

Trên cơ sở đánh giá thu, chi ngân sách địa phương năm 2021, dự kiến tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2022, UBND huyện Mường Tè báo cáo về dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022, cụ thể như sau:

#### **I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

##### **1. Thu ngân sách địa phương**

Dự toán thu NSNN năm 2021 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành; tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và chuyển dịch nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch Covid-19. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tổng thu ngân sách địa phương (huyện hưởng) năm 2022: 544.833 triệu đồng, tăng 0,63% dự toán tỉnh giao, tăng 1,97% so với dự toán năm 2021.

(Có biểu chi tiết số 03 kèm theo)

### **1.1. Thu NSNN trên địa bàn**

Dự toán tỉnh giao 58.000 triệu đồng (đã bao gồm thu sử dụng đất 14.500 triệu đồng); Huyện xây dựng dự toán thu 62.250 triệu đồng (Ngân sách TW hưởng: 100 triệu đồng; Ngân sách tỉnh hưởng: 4.750 triệu đồng; Ngân sách huyện hưởng: 57.400 triệu đồng); tăng 7,3% so với dự toán tỉnh giao, tăng 4,1% so với ước thực hiện năm 2021 cụ thể từng sắc thuế như sau:

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: 35.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao;
- Lệ phí trước bạ: 3.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao;
- Thuế thu nhập cá nhân: 1.200 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao;
- Thu phí, lệ phí: 800 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao;
- Thu sử dụng đất: 18.750 triệu đồng, tăng 29,3% so với dự toán tỉnh giao;
- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 500 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao;
- Thu khác ngân sách: 3.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao.

### **1.2. Thu trợ cấp: 487.433 triệu đồng, trong đó:**

- Bổ sung cân đối ngân sách: 453.358 triệu đồng;
- Bổ sung có mục tiêu: 34.075 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết 03 kèm theo)

## **2. Dự toán giao thu NSNN theo phân cấp ngân sách trên địa bàn**

**2.1. Ngân sách huyện:** 56.779 triệu đồng, tăng 7,3% so với dự toán giao năm 2021.

**2.2. Ngân sách các xã, thị trấn:** 621 triệu đồng, tăng 9,3% so với dự toán giao năm 2021.

- Thị trấn: 71,5 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.

- Xã Bum Nưa: 38 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.

- Xã Bum Tờ: 16,5 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.

- Xã Can Hồ: 30,8 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.

- Xã Ka Lăng: 101,2 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Mù Cả: 28,6 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Mường Tè: 49,5 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Nậm Khao: 44 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Pa Ủ: 25,3 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Pa Vệ Sủ: 44 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Tá Bạ: 30,8 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Tà Tổng: 33 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Thu Lũm: 68,2 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.
- Xã Vàng San: 39,6 triệu đồng, tăng 10% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2021.

*(Có biểu chi tiết 04 kèm theo)*

## II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Chi thường xuyên năm 2022 được xây dựng trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương và định mức phân bổ của tỉnh; nhưng triệt để tiết kiệm gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao tự chủ đơn vị sự nghiệp công phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù từng lĩnh vực, cắt giảm các khoản chi chưa cấp bách để tập trung tối đa nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Bố trí dự phòng để đảm bảo xử lý kịp thời nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương.

Trên cơ sở đó, dự kiến bố trí dự toán chi ngân sách năm 2022, như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: **544.833 triệu đồng**, tăng 0,63% so với dự toán tỉnh giao, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: 37.665 triệu đồng, chiếm 6,9% tổng chi ngân sách địa phương.
- Chi thường xuyên: 497.290 triệu đồng, chiếm 91,3% tổng chi ngân sách địa phương, chi tiết như sau:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 48.851 triệu đồng (Đã bao gồm các nội dung chi: Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mô hình khuyến nông - khuyến lâm; kinh phí giao thông, thủy lợi; các sự nghiệp kinh tế khác).

+ Chi sự nghiệp môi trường: 4.400 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh.

+ Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 301.498 triệu đồng, đảm bảo các chế độ chính sách cho học sinh và giáo viên kinh phí mua sắm sách giáo khoa, vở viết, kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên, kinh phí thực hiện các Đề án, nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh ban hành.

+ Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 1.553 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các hoạt động văn hóa.

+ Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình: 2.061 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 288 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí các hoạt động thể dục thể thao.

+ Chi đảm bảo xã hội: 18.172 triệu đồng, đã bao gồm nhiệm vụ chi trợ cấp thường xuyên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,...

+ Chi quản lý hành chính: 38.360,372 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2022, kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng, nhiệm vụ đặc thù khác.

+ Chi An ninh - Quốc phòng địa phương: 5.624 triệu đồng. Đảm bảo những nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh, kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, kinh phí diễn tập và hỗ trợ kinh phí đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

+ Chi ngân sách xã, phường, thị trấn: 61.314,122 triệu đồng. Đã đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở và kinh phí thực hiện chính sách đối với CBCCVC công tác tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC,...

+ Các nội dung chi khác ngân sách: 15.168,506 triệu đồng. Bố trí kinh phí thực hiện phát triển kinh tế cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách; thực hiện cải cách tiền lương; chi nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và các khoản chi khác.

- Chi dự phòng ngân sách: 9.878 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,8% tổng chi ngân sách địa phương.

### **III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022**

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2022, quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương lớn theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và tiếp tục tổ chức có hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong đó tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp sau:

#### **1. Về thu ngân sách**

1.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí. Cải cách hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế, mở rộng thực hiện hóa đơn điện tử. Tăng cường công tác đối thoại với các doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả và thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

1.2. Tập trung chỉ đạo và thực hiện các giải pháp tăng thu, phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu NSNN được giao; tăng cường quản lý chặt chẽ nguồn thu ổn định trên địa bàn, chống thất thu về đối tượng nộp thuế và mức thuế; dự báo khả năng thu, nắm chắc từng nguồn thu, giao cụ thể chi tiết từng chỉ tiêu thu đến các đội thuế để kịp thời triển khai các giải pháp quản lý thu. Khai thác tăng thu, nắm tiến độ thực hiện 15 ngày/lần để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc và đôn đốc, việc kiểm tra thực hiện.

1.3. Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại với trốn lậu thuế; phối hợp với trung tâm xúc tiến Thương mại và đầu tư của tỉnh, các hoạt động liên kết với các tổ chức xúc tiến trong và ngoài tỉnh để kịp thời cập nhật thông tin, nắm bắt nhu cầu doanh nghiệp, nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến và đầu tư, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng khác...

1.4. Theo dõi cập nhật kịp thời tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có số dư nợ lớn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc kê khai thuế của người nộp thuế để thu kịp thời các khoản thuế phát sinh, tránh việc kê khai thấp hoặc trì hoãn chuyển kỳ sau nộp làm ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước.

1.5. Kiện toàn tổ liên ngành chống thất thu ngân sách để đôn đốc thu và xử lý nợ đọng thuế trên địa bàn nhất là số thuế nợ của các năm trước; kiểm tra, rà soát các nguồn thu phát sinh trên địa bàn huyện, kịp thời đưa vào quản lý thuế; đồng thời kiểm tra hồ sơ khai thuế đối chiếu với doanh thu thực tế để có biện pháp điều chỉnh mức thu thuế kịp thời.

1.6. Chủ trì, tập trung chỉ đạo, đôn đốc thu dứt điểm, kịp thời các khoản thu theo kiến nghị, kết luận của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra.

#### **2. Về chi ngân sách**

2.1. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách và đầu tư công, thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ trong lập dự toán và trong quản lý sử dụng ngân sách. Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý thu, chi ngân sách từ khâu lập dự toán, phân bổ sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí và vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

2.2. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng chế độ quy định đúng tính chất nguồn kinh phí. Thực hiện dự toán mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; tiết kiệm tối đa kinh phí tổ chức hội thảo, lễ kỷ niệm, công tác trong và ngoài nước.

2.3. Thực hiện nghiêm túc chế độ công khai ngân sách nhà nước, công tác xét duyệt, thẩm định dự toán, quyết toán hàng năm đối với các đơn vị dự toán đảm bảo thời gian, chất lượng, kiên quyết xử lý đối với đơn vị chi sai dự toán, không chấp hành việc tổng hợp báo cáo quyết toán hàng năm, vi phạm trong kho quỹ và dư tồn quỹ trái quy định.

2.4. Quyết liệt thực hiện các mục tiêu của Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập, trên cơ sở tính đúng, đủ giá sự nghiệp công lập theo lộ trình quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2.6. Tăng cường kiểm tra, thanh tra các khoản chi trong cân đối ngân sách nhà nước, các khoản chi quản lý qua ngân sách nhà nước, các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện nghiêm kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đối với các trường hợp vi phạm gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước.

2.7. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo quyết liệt công tác lập và nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/02/2020.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSDP năm 2021 và phân bổ dự toán NSDP năm 2022; UBND huyện báo cáo HĐND huyện xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Đại biểu dự kỳ họp HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**Đào Văn Khánh**

**Biểu tổng hợp**  
**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VÀ**  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Mường Tè)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Năm 2021							Dự kiến kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Kế hoạch vốn giao và giải ngân			Tỷ lệ giải ngân (%)		Khối lượng thực hiện			
		Kế hoạch	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 30/11/2021	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến 31/01/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2021	Ước tỷ lệ giải ngân đến 31/01/2022	KL thực hiện từ 01/01/2021 đến 30/11/2021	Ước KL thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2021		
	<b>TỔNG SỐ</b>	257.377	212.391	257.192	82,52	99,93	189.645	251.306	268.182,5	
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH VỐN GIAO NĂM 2021</b>	243.947	199.688	243.947	81,86	100,00	189.183	250.674		
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	190.877	156.581	190.877	82,03	100,00	153.195	208.494	221.185,0	
	<i>Vốn trong nước</i>	190.877	156.581	190.877			153.195	208.494	221.185,0	
-	Lĩnh vực giao thông, hạ tầng sắp xếp dân cư	123.277	102.815	123.277	83,40		111.451	149.039	221.185,0	
-	Lĩnh vực thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật	67.600	53.766	67.600	79,54		41.744	59.455	-	
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	53.070	43.107	53.070	81,23	100,00	35.988	42.180	46.997,5	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm thu SDD đất, xô số)	45.420	42.471	45.420	93,51		30.588	33.530	31.997,5	
+	<i>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương tỉnh quản lý</i>	19.355	18.985	19.355	98,09		-	-	5.932,5	
+	<i>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương huyện quản lý</i>	26.065	23.486	26.065	90,11		30.588	33.530	26.065,0	
-	Nguồn vốn đầu tư nguồn sử dụng đất	7.000	636	7.000	9,08		5.000	8.000	15.000,0	



-	Nguồn số kế kiến thiết (thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM)	650	-	650	-		400	650	-
<b>B</b>	<b>KẾ HOẠCH VỐN GIAO NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021</b>	<b>13.430,52</b>	<b>12.703,13</b>	<b>13.244,94</b>	<b>94,58</b>	<b>98,62</b>	<b>462,38</b>	<b>632,22</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>12.198,00</b>	<b>12.198,00</b>	<b>12.198,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	-	-	-
	Nguồn vốn dự phòng NSTW năm 2019	12.198,00	12.198,00	12.198,00	100,00				
<b>II</b>	<b>Vốn các Chương trình MTQG</b>	<b>1.232,52</b>	<b>505,13</b>	<b>1.046,94</b>	<b>40,98</b>	<b>84,94</b>	<b>462,38</b>	<b>632,22</b>	<b>-</b>
	<i>Vốn trong nước</i>	<i>1.232,52</i>	<i>505,13</i>	<i>1.046,94</i>			<i>462,38</i>	<i>632,22</i>	<i>-</i>
-	Chương trình MTQG xây dựng NTM	825,99	161,69	640,41	19,58		148,38	225,69	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	406,53	343,44	406,53	84,48		314,00	406,53	
+	<i>Chương trình 30</i>	<i>14,00</i>	-	<i>14,00</i>	-		-	<i>14,00</i>	
+	<i>Chương trình 135</i>	<i>392,53</i>	<i>343,44</i>	<i>392,53</i>	<i>87,49</i>		<i>314,00</i>	<i>392,53</i>	

## Biểu mẫu số 1

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2021 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự toán sau đấu thầu, chi thầu	Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Năm 2021			Khối lượng thực hiện		Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó:			Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2021 đến thời điểm 30/11/2021	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến thời điểm 31/01/2022	Lũy kế từ khởi công đến thời điểm 30/11/2021	Trong đó thực hiện riêng năm 2021:					
							NSTW							NSDP				KLTH đến thời điểm 30/11/2021	Ước thực hiện đến thời điểm 31/12/2021
	<b>TỔNG SỐ</b>					979.100	961.368	17.732	973.685	227.982	190.877	156.581	190.877	403.861	153.195	208.494	221.185		
1	Lĩnh vực giao thông, hạ tầng sắp xếp dân cư					819.000	819.000	-	813.700	194.502	123.277	102.815	123.277	303.496	111.451	149.039	221.185		
a	<i>Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước 31/12/2021</i>					300.000	300.000	-	294.700	191.700	103.000	82.738	103.000	278.566	86.521	102.000	-		
1	Đường giao thông liên vùng Tá Ba - Pa U	Tá Ba - Pa U	28,91 km	16-21	31-30/03/2016	300.000	300.000		294.700	191.700	103.000	82.738	103.000	278.566	86.521	102.000		Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	
b	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>																		
c	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>					434.000	434.000	-	434.000	2.802	20.277	20.077	20.277	24.930	24.930	47.039	206.685		
1	Sắp xếp ổn định các điểm dân cư: Mô Lô, Sa Thàng xã Mù Cà, điểm Nậm Kha Á, Pá Kha, U Nại-2, Tia Ma Mù, Pa Tét xã Tá Tổng, huyện Mường Tè;	Tá Tổng	GT:TL; NSH;M B cho 281 hộ	20-23	1734-04/12/2020	164.000	164.000		164.000	2.802	7.702	7.702	7.702	10.997	10.997	25.713	89.000	Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	
2	Sắp xếp ổn định dân cư 02 xã Tá Tổng, Mù Cà	Mù Cà + Tá Tổng	GT:MB NSH cho 96 hộ	20-23	1735-04/12/2020	80.000	80.000		80.000	-	12.375	12.375	12.375	7.770	7.770	15.163	42.000	Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	
3	Nâng cấp đường giao thông Nậm Lăn - Mốc 17	H Mường Tè	NC 35km; LM 40km	21-24	997-30/07/2021	190.000	190.000		190.000	-	200		200	6.163	6.163	6.163	75.685	Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	



## Biểu mẫu số 2

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2021 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Năm 2021			Khối lượng thực hiện		Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2021 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo	Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Trong đó thực hiện riêng năm 2021:					
							NSTW						NSDP				Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/01/22
	<b>TỔNG SỐ</b>					1.158.700	82.407	247.992	150.072	53.070	43.107	53.070	233.665	35.988	42.180	46.997,50		
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước</b>					1.086.205	71.907	185.998	120.874	45.420	42.471	45.420	187.693	30.588	33.530	31.997,50		
<b>(1)</b>	<b>Các dự án ngân sách tỉnh quản lý</b>					866.290	-	37.990	12.600	19.355	18.985	19.355	22.558	-	-	5.932,50		
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán</b>					828.300	-	-	-	11.055	10.685	11.055	-	-	-	2.262,50		
1	03 cầu qua sông Đà và hệ thống đường ngang phía tây sông Đà, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	Tả Tông		14-17	1188-24/10/2013	526.000				911	911	911					Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	DA QT
2	Sắp xếp ổn định dân cư xã biên giới ban Mù Su - Mù Cà, huyện Mường Tè	Mù Cà	35 hộ (178 khẩu)	15-17	1354-28/10/2014	27.000				1.476	1.476	1.476					nt	DA QT
3	Đường giao thông đến bản Là Pê 1, 2, xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	Tá Bạ	14,8km	16-18	50-31/03/2016	66.500				2.771	2.771	2.771					nt	DA QT
4	Trạm y tế thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn		16-17	33-30/03/2016	5.000				37	37	37					nt	DA QT
5	Trụ sở thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	S sân 807m2	16-18	123-28/10/2016	5.800				257	257	257					nt	DA QT
6	Sân vận động huyện Mường Tè	Thị trấn	21.340m2	14-16	1296-30/10/2013	23.000				402	242	402					nt	DA QT

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Năm 2021			Khối lượng thực hiện		Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2021 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo	Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Trong đó thực hiện riêng năm 2021:					
							NSTW						NSDP				Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/01/22
7	Đường từ thị trấn Mường Tè đến Năm Nhỏ, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	17,5km	11-15	689-16/6/2011	149.000			4.918	4.708	4.918				nt	DA QT		
8	Đường giao thông Cao Chai - Xé Ma xã Tà Tông, huyện Mường Tè	Tà Tông		14-16	1330/31/10/2013	26.000			283	283	283				nt	DA QT		
9	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Năm Khá A (Tia Súng Cái), xã Tà Tông, huyện Mường Tè	Tà Tông												2.206,34	nt			
10	Điểm vui chơi trẻ em huyện Mường Tè (Giai đoạn I)	Thị trấn												56,16	nt			
<b>b</b>	<b>Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021</b>					<b>23.000</b>	<b>-</b>	<b>23.000</b>	<b>12.600</b>	<b>8.300</b>	<b>8.300</b>	<b>8.300</b>	<b>22.558</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.420</b>		
1	Nâng cấp đường Pa Ủ - Hà Xí, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Pa Ủ		17-19	50-31/3/2016	23.000		23.000	12.600	8.300	8.300	8.300	22.558			1.420	Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	
<b>c</b>	<b>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>																	
<b>d</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>																	
<b>d</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2022</b>					<b>14.990</b>	<b>-</b>	<b>14.990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.250</b>		
1	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thị trấn Mường Tè	Thị trấn	Bổ sung, nâng cấp	22-24		14.990		14.990								2.250	Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	
<b>(2)</b>	<b>Cân đối ngân sách cấp huyện</b>					<b>219.915</b>	<b>71.907</b>	<b>148.008</b>	<b>108.274</b>	<b>26.065</b>	<b>23.486</b>	<b>26.065</b>	<b>165.135</b>	<b>30.588</b>	<b>33.530</b>	<b>26.065,00</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán</b>					<b>71.081</b>	<b>48.611</b>	<b>22.471</b>	<b>48.369</b>	<b>2.907</b>	<b>1.528</b>	<b>2.907</b>	<b>61.588</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.952,915</b>		

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Năm 2021			Khối lượng thực hiện		Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2021 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo	Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Trong đó thực hiện riêng năm 2021:					
							NSTW						NSDP				Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/01/22
1	Đường trục chính ban Nậm Cùm xã Bum Nưa	Bum Nưa		2017	2141A-28/10/2016	1.000		1.000		78	78	78	988		Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện			
2	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt Ban Giảng	Mường Tè		16-17	563A-29/3/2016	1.500		1.500		13	13	13	1.455		nt			
3	Tu sửa, nâng cấp NSH các bản xã Bum Nưa (GĐ II)	Bum Nưa	370 hộ	17-18	1304-30/08/2017	1.700		1.700		178	178	178	1.690		nt			
4	Trường tiểu học xã Bum Nưa (Giai đoạn I)	Bum Nưa		16-17	544-25/3/2016	4.995		4.995		324	324	324	4.874		nt			
5	Phụ trợ trường mầm non Tá Ba, huyện Mường Tè	Tá Ba		2018	1591-13/11/2017	1.200		1.200		343	343	343	965		nt			
6	Đường giao thông nông thôn (điểm đầu từ cửa suối km0+00 - điểm cuối bản Huổi Chát II km5+107,71) bản Huổi Hèo, xã Nậm Manh, huyện Mường Tè (nay là huyện Nậm Nhùn)	Nậm Nhùn						-		591	591	591	-		nt			
7	Nhà lớp học MN điểm ĐCĐC Xé Ma, xã Tá Tổng	Tá Tổng		15-16	2166-29/10/2014	3.000	2.528	472	2.528	398	-	398	2.870		nt			
8	Nhà lớp học TH điểm ĐCĐC Xé Ma, xã Tá Tổng	Tá Tổng		15-16	2167-29/10/2014	2.380	1.941	439	1.941	190	-	190	2.101		nt			
9	Đầu tư xây dựng phòng học các trường MN, TH huyện Mường Tè	H Mường Tè		17-19	566-07/06/2017	30.600	23.400	7.200	23.400	792	-	792	24.908	715,722	nt			
10	Nước sinh hoạt điểm ĐCĐC Xé Ma xã Tá Tổng	Tá Tổng		15-16	2174-30/10/2014	970	788	182	788				928	140,537	nt			
11	Đầu tư 12 phòng học các trường MN huyện Mường Tè	H Mường Tè	12 phòng	17-18	1322-27/10/2017	12.500	11.839	661	9.265				9.873	608,010	nt	LG TPCP		

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Năm 2021			Khối lượng thực hiện		Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2021 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo	Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Trong đó thực hiện riêng năm 2021:					
							NSTW						NSDP				Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/01/22
12	Cấp điện sinh hoạt cho nhân dân tại các điểm sắp xếp dân cư bị ảnh hưởng do mưa lũ năm 2018, huyện Mường Tè	H. Mường Tè		19-20	214-28/02/2019	2.236		2.236	1.990				2.169		179,015	nt		
13	Nhà văn hóa ban Nậm Cùm 1 xã Mường Tè	Mường		15-17	1931-28/08/2015	2.500	1.800	700	2.143				2.389		246,250			
14	Trường PTDT bán trú THCS xã Thu Lùm	Thu Lùm		18-19	1509A-31/10/2017	6.500	6.315	185	6.315				6.378		63,381	nt		
<b>b</b>	<b>Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021</b>					<b>82.034</b>	<b>23.297</b>	<b>58.737</b>	<b>59.905</b>	<b>11.508</b>	<b>11.308</b>	<b>11.508</b>	<b>77.110</b>	<b>4.150</b>	<b>4.950</b>	<b>3.772,085</b>		
1	Mặt bằng hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Lả Si, xã Tá Bạ	Tá Bạ	32 hộ	19-21	2048-31/10/18	6.997		6.997	800	5.000	4.986	5.000	6.504	200	200	682,085	Ban QL công trình ĐA PT KT-XH huyện	
2	Xây dựng phòng họp Huyện ủy, huyện Mường Tè	Thị trấn	Cấp III	20-22	2824-18/10/19	6.800		6.800	2.435	2.500	2.316	2.500	5.950	3.950	4.750	1.700	nt	
3	Sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pa Thởng trên với bản Đầu Nậm Xá	Bum Tờ	GT; MB; NSH cho 36 hộ	20-21	2946a/31.10.19	6.950	4.054	2.896	4.054	1.300	1.300	1.300	6.798		1.390	nt	LG NTM	
4	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn (GĐII)	Thị trấn	GT; thoát nước, cây xanh	18-20	1510a-31.10.2017	32.000		32.000	28.258	542	542	542	31.300	-	-		nt	
5	Trường tiểu học số 2, xã Pa Ú (GĐ1)	Pa Ú	6 P BT	19-20	2051A-31/10/2018	4.192	2.800	1.392	2.800	329	329	329	3.129				nt	LG 135
6	Phụ trợ Trường THCS, xã Pa Vệ Sù	Pa Vệ Sù	5 phòng CN	18-20	1509A/30.10.17	5.000	3.455	1.545	4.155	500	500	500	4.689	-	-		nt	LG 30a
7	Bổ trí sắp xếp dân cư bản A Mạ và bản Phi Chi C, xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	34 hộ, GT, NSH	19-21	113B/24.01.2019	5.100	-	5.100	4.415	266	266	266	4.681				nt	





TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Năm 2021			Khối lượng thực hiện		Dự kiến kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó		Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2021 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo	Lũy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Trong đó thực hiện riêng năm 2021:					
							NSTW						NSDP				Thực hiện đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/01/22
<b>d</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2022</b>					<b>35.450</b>	<b>-</b>	<b>35.450</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.700</b>			
1	Trường mầm non xã Ka Lăng, huyện Mường Tè (Hạng mục phụ trợ)	Xã Ka Lăng	MB + phụ trợ	22-23		2.500		2.500							900	Ban QL công trình DA PT KT-XH huyện	KCM 2022	
2	Phòng họp trực tuyến Huyện ủy, huyện Mường Tè (GDII)	Thị trấn	Thiết bị + Phụ trợ	22-24		6.950		6.950							2.000	nt	KCM 2022	
3	Nhà đa năng trường THCS thị trấn, huyện Mường Tè	Thị trấn	Thiết bị + Phụ trợ Cấp III, Sxd=650m <sup>2</sup> + PT	22-24		6.000		6.000							1.800	nt	KCM 2022	
4	Hạ tầng đô thị, điện chiếu sáng thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	Hạ tầng + điện	22-24		20.000		20.000							2.000	nt	KCM 2022	
<b>II</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>					<b>71.825</b>	<b>10.500</b>	<b>61.325</b>	<b>29.198</b>	<b>7.000</b>	<b>636</b>	<b>7.000</b>	<b>45.571</b>	<b>5.000</b>	<b>8.000</b>	<b>15.000</b>		
<b>II.1</b>	<b>Kinh phí đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và kiểm kê đất đai</b>					<b>7.315</b>	<b>-</b>	<b>7.315</b>	<b>3.005</b>	<b>1.500</b>	<b>-</b>	<b>1.500</b>	<b>6.673</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.907</b>		
1	Quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất 2021 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	Quy hoạch, kế hoạch SDD	20-21	775-27/4/2020	2.211		2.211	272	1.500	-	1.500	1.909	-	-		Phòng TN&MT huyện	
2	Kinh phí đo đạc bổ sung bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất 02 xã Vàng Sơn và Bum Nưa	H. Mường Tè	Đo đạc, lập HSDC, cấp GCNQSD đất	19-20	1202A-24/6/2019	2.093		2.093	1.301				1.967			600		
3	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019	H. Mường Tè	Kiểm kê đất, lập BĐ hiện trạng đất	2020	904-03/6/2020	3.011		3.011	1.432				2.797			1.307		





## Biểu số 03

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC NĂM 2020  
ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIẠN THANH TOÁN SANG NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Mường Tè)

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 được kéo dài sang năm 2021	Giá trị giải ngân		Tỷ lệ giải ngân vốn kéo dài (%)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư		Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30.11.2021	Ước thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30/11/2021	Ước thực hiện Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021		
	<b>TỔNG SỐ</b>		214.100	13.430,516	12.703,126	13.244,939	94,58	98,62		
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>		164.000	12.198,000	12.198,000	12.198,000	100,00	100,00		
	<b>Nguồn vốn dự phòng NSTW năm 2019</b>		164.000	12.198,000	12.198,000	12.198,000	100,00	100,00		
1	Sắp xếp ổn định các điểm dân cư: Mò Lò, Sa Thàng xã Mù Cà, điểm Nậm Kha Á, Pả Khà, U Na1-2, Tia Ma Mù, Pa Tét xã Tà Tông, huyện Mường Tè;	1734-04/12/2020	164.000	12.198,000	12.198,000	12.198,000	100,00	100,00	Ban QL CTDA PT KT-XH huyện	
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN QUẢN LÝ</b>		50.100	1.232,516	505,126	1.046,939	40,98	84,94		
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>									
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn chương trình MTQG (Chương trình 30a)</b>		467	14,000	-	14,000	-	100,00		
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2020</i>		-	-	-	-				
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i>		467	14,000	-	14,000				
1	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Nà Thè, bản Nậm Hân, xã Mường Tè	38-24/02/20	467	14,000	-	14,000	-	100,00	UBND xã Mường Tè	
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2021</i>		-	-	-	-				
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn chương trình MTQG (Chương trình 135)</b>		6.210	392,530	343,437	392,530	87,49	100,00		
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2020</i>		850	10,530	-	10,530				
1	Nhà Văn hóa bản Nậm Pậm	303/29.10.18	300	7,530		7,530	-	100,00	UBND xã Mường Tè	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 được kéo dài sang năm 2021	Giá trị giải ngân		Tỷ lệ giải ngân vốn kéo dài (%)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư		Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30.11.2021	Ước thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30/11/2021	Ước thực hiện Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021		
2	Thủy lợi Khoang Thèn, xã Pa Vệ Sủ	207/29.10.18	550	3,000		3,000	-	100,00	UBND xã Pa Vệ Sủ	
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i>		<i>5.360</i>	<i>382,000</i>	<i>343,437</i>	<i>382,000</i>				
1	Đường giao thông trục bán, nội bán, nội đồng, rãnh thoát nước các bản Nậm Pục, Nậm Khao xã Nậm Khao	126/31.10.19	1.149	33,000	29,437	33,000	89,20	100,00	UBND xã Nậm Khao	
2	Đường giao thông trục bán từ ngã ba Nậm Lăn đến bản Nhù Te, xã Ka Lăng	233/31.10.19	1.074	2,000		2,000	-	100,00	UBND xã Ka Lăng	
3	Đường giao thông trục bán, nội bán điểm ĐCĐC Cao Chải, xã Tà Tông	210/31.10.19	1.220	3,000		3,000	-	100,00	UBND xã Tà Tông	
4	Thủy lợi Nậm Dính	220a/11.11.19		314,000	314,000	314,000	100,00	100,00	UBND xã Tà Tông	LG NTM
5	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Nậm Xá, xã Bum Tờ	31/24.02.20	250	1,000		1,000	-	100,00	UBND xã Bum Tờ	
6	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Ma Ký, bản Ma Ký xã Mù Cà	44/24.02.20	890	4,000		4,000	-	100,00	UBND xã Mù Cà	
7	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt Nậm Pặm bản Pắc Ma, xã Mường Tè	39/24.02.20	777	25,000		25,000	-	100,00	UBND xã Mường Tè	
<i>c</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2021</i>		-	-	-	-				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM</b>		<b>43.423</b>	<b>825,986</b>	<b>161,689</b>	<b>640,409</b>	<b>19,58</b>	<b>77,53</b>		
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới</b>		<b>32.153</b>	<b>810,261</b>	<b>161,689</b>	<b>630,261</b>	<b>19,96</b>	<b>77,78</b>		
<i>a</i>	<i>Các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2020</i>		<i>19.346</i>	<i>642,6210</i>	<i>13,3130</i>	<i>462,6210</i>				
1	Hỗ trợ đường giao thông, trục bán, nội bán, nội đồng rãnh thoát nước các bản: Bản Bó, bản Giảng, Nậm Pặm, Đon Lạt, Nậm Hăn	304/29.10.2018	2.059	21,610		21,610	-	100,00	UBND xã Mường Tè	
2	Đường ra khu dân cư và khu sản xuất bản Nà Lang	303/30.10.2018	3.100	13,313	13,313	13,313	100,00	100,00	UBND xã Bum Nưa	
3	Nhà văn hóa xã Mù Cà	163/29.10.2018	2.700	594,716		414,716	-	69,73	UBND xã Mù Cà	
4	Nâng cấp thủy lợi Lăng Phịu bản Nậm Khao	192a/31.10.2018	4.900	11,164		11,164	-	100,00	UBND xã Nậm Khao	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 được kéo dài sang năm 2021	Giá trị giải ngân		Tỷ lệ giải ngân vốn kéo dài (%)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư		Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30.11.2021	Ước thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30/11/2021	Ước thực hiện Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021		
5	Đường giao thông nội bản trực bản, nội đồng các bản xã Vàng San	227/31.10.2018	4.998	0,448		0,448	-	100,00	UBND xã Vàng San	
6	Đường giao thông trực bản, nội bản, nội đồng rãnh thoát nước các bản: Nậm Hạ A, xã Can Hồ	58/31.10.2018	1.589	1,370		1,370	-	100,00	UBND xã Can Hồ	
<b>b</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</b>		<b>12.807</b>	<b>167,640</b>	<b>148,376</b>	<b>167,640</b>				
1	Đường giao thông trực bản, nội bản, rãnh thoát nước điểm ĐCĐC A Mại	174/11.11.19	2.864	0,310		0,310	-	100,00	UBND xã Pa Vệ Sủ	
2	Tu sửa NSH các bản: Vàng San; Pắc Pạ; Đán Đón	187a/11.11.2019	1.900	74,320	73,830	74,320	99,34	100,00	UBND xã Vàng San	
3	Đường giao thông nội bản, nội đồng các bản xã Vàng San (GĐ 2)	187/11.11.2019	3.048	0,250		0,250	-	100,00	UBND xã Vàng San	
4	Thủy lợi Nậm Dính	220a/11.11.19	4.995	92,760	74,546	92,760	80,36	100,00	UBND xã Tà Tông	LG 135
<b>c</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2021</b>									
<b>2</b>	<b>Đề án hỗ trợ bản của các xã ĐBKK khu vực biên giới, vùng núi xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)</b>		<b>11.270</b>	<b>15,725</b>	<b>-</b>	<b>10,148</b>	<b>-</b>	<b>64,53</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2020</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>				
<b>b</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</b>		<b>11.270</b>	<b>15,725</b>	<b>-</b>	<b>10,148</b>				
	<b>Xã Pa Ủ</b>		<b>6.280</b>	<b>5,577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>				
1	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đă Bạ, bản Cờ Lò, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	280/11.11.19	1.730	3,367		-	-	-	UBND xã Pa Ủ	
2	Mở rộng nền đường + cứng hóa đường ra khu sản xuất (Ú Ma; Chả Ké; Ho Gia, bản Pha Bu), xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	279/11.11.19	4.550	2,210		-	-	-	UBND xã Pa Ủ	
	<b>Xã Pa Vệ Sủ</b>		<b>4.990</b>	<b>10,148</b>	<b>-</b>	<b>10,148</b>				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 được kéo dài sang năm 2021	Giá trị giải ngân		Tỷ lệ giải ngân vốn kéo dài (%)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số Quyết định (ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư		Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30.11.2021	Ước thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2021 đến thời điểm 30/11/2021	Ước thực hiện Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021		
3	Mở rộng nền + cứng hóa mặt đường ra khu sản xuất (Sín Chai C, Sín Chai A, Chà Gá, Khoang Thèn), xã Pa Vệ Sù, huyện Mường Tè	166/11.11.19	4.990	10,148		10,148	-	100,00	UBND xã Pa Vệ Sù	